

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2022/DS-ST.

Ngày: 08-7-2022.

V/v “*Tranh chấp nợ hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1968. Địa chỉ: đường P, khu phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1965. Địa chỉ: đường P, khu phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/9/2020, quá trình giải quyết vụ vụ, nguyên đơn bà Lê Thị N và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà trình bày:

Trong các năm 2013-2014, bà N có làm chủ hụi và bà T có tham gia nhiều dây hụi do bà N làm chủ. Khi bắt đầu tham gia chơi hụi, bà T hốt hụi và có đóng hụi chết cho bà N đầy đủ. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 10 năm 2014, sau khi bà T đã hốt hết các dây hụi thì bà T không đóng hụi chết cho bà. Cụ thể là bà T đã tham gia và hốt 11 dây hụi, số tiền hụi mà bà T chưa đóng là 1.159.000.000 đồng.

Năm 2015, bà N có làm đơn khởi kiện để yêu cầu bà T trả số tiền trên. Thời điểm đó bà T có xin trả dần số tiền này và có ký tên xác nhận vào Đơn khởi kiện ngày 16/12/2015.

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2020, bà N khởi kiện yêu cầu bà T và ông D liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.159.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi số tiền này từ ngày 09/01/2016 theo mức lãi suất 1%/tháng cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Nay bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T và ông D liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.159.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2022, Biên bản làm việc ngày 04/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2022, bà T thừa nhận còn nợ bà N số tiền hụi là khoảng 500.000.000 đồng. Bà không thừa nhận chữ viết và chữ ký có nội dung “Tôi tên Ng□ Thị Mỹ T có đồng ý nợ trên là đúng sự thật” bên dưới góc trái mặt trước của Đơn khởi kiện về việc giải quyết tiền nợ hụi ngày 16/12/2015.

Tại Biên bản làm việc ngày 04/7/2022, bà T trình bày: Bà có tham gia chơi hụi như trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, số tiền bà còn nợ bà N là 1.159.000.000 đồng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền này, bà cũng đồng ý trả bằng cách bán nhà trả nợ cho bà N. Đối với số tiền lãi bà xin không trả lãi vì hoàn cảnh của bà đang gặp nhiều khó khăn.

Do bận công việc nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Biên bản lấy ý kiến đương sự ngày 25/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng D trình bày:

Ông và bà T kết hôn vào khoảng năm 1991-1992, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre.

Đối với việc chơi hụi giữa bà T và bà N, cũng như việc bà N khởi kiện yêu cầu ông và bà T chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền nợ hụi 1.159.000.000 đồng thì ông không biết, không liên quan gì trong vụ việc này cũng như không đồng ý liên đới với bà T trả số tiền trên cho bà N.

Hiện tại ông và bà T vẫn còn là vợ chồng và cùng sinh sống tại số nhà 350C Phan Đình Phùng, khu phố 6, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông là viên chức Nhà nước, còn bà T buôn bán nhỏ lẻ, không có hoạt động kinh tế chung.

Do bận công việc nên ông yêu cầu Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: đề nghị áp dụng Điều 166, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Hoàng D chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị N số tiền nợ hui 1.159.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi số tiền trên của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T có nơi cư trú tại phường Phú Khương, thành phố Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà N khởi kiện yêu cầu bà T và ông D trả lại số tiền nợ hui nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hui*” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng D có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà T và ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà N khởi kiện, yêu cầu bà T cùng chồng là ông D trả số tiền nợ hui 1.159.000.000 đồng, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện gồm: sổ ghi hui, giấy theo dõi dây hui và Đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2015, ở cuối đơn có đoạn do bà T viết và ký xác nhận nội dung “Tôi tên Ng □ Thị Mỹ T có đồng ý nợ trên là đúng sự thật” đề ngày 09/01/2016.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2022, bà T thừa nhận còn nợ bà N số tiền hui là khoảng 500.000.000 đồng. Bà không thừa nhận chữ viết và chữ ký có nội dung “Tôi tên Ng Thị Mỹ T có đồng ý nợ trên là đúng sự thật” bên dưới góc trái mặt trước của Đơn khởi kiện về việc giải quyết tiền nợ hui ngày 16/12/2015 là của bà.

Tòa án ra Quyết định Trưng cầu giám định số 08/2022/QĐ-TCGD ngày 04/5/2022. Tại Kết luận giám định số 196/2022/KL-KTHS ngày 26/5/2022 kết luận: chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị Mỹ T dưới đoạn “Tôi tên Ng □ Thị Mỹ T có đồng ý nợ trên là đúng sự thật” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Mỹ T trên tài liệu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Biên bản làm việc ngày 04/7/2022, bà T trình bày: Bà có tham gia chơi hụi như trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, số tiền bà còn nợ bà N là 1.159.000.000 đồng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền này, bà cũng đồng ý trả bằng cách bán nhà trả nợ cho bà N. Đối với số tiền lãi bà xin không trả lãi vì hoàn cảnh của bà đang gặp nhiều khó khăn.

Từ những căn cứ nêu trên, đã có đủ cơ sở để chứng minh số tiền nợ hụi mà bà T còn nợ bà N là 1.159.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lê Hoàng D là chồng của bà T chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi nêu trên.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tại biên bản lấy ý kiến đương sự ngày 25/5/2022, ông D xác nhận ông và bà T kết hôn vào năm 1991- 1992 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường 8, thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) và hiện nay ông bà vẫn còn là vợ chồng hợp pháp.

Tại biên bản xác minh 13/6/2022, Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Bến Tre cung cấp thông tin: Theo thông tin lưu trữ tại ban nhân dân phường 8, thành phố Bến Tre thì bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Hoàng D có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/1991 Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Bến Tre. Và Trích lục kết hôn ngày 07/6/2022 thể hiện lời trình bày của ông D về tình trạng hôn nhân của ông bà phù hợp với kết quả xác minh của tòa án.

Ông D cho rằng ông không biết, không liên quan và không đồng ý cùng liên đới chịu trách nhiệm trả tiền nợ hụi cho bà N nhưng ông không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh việc bà T chơi hụi không nhằm mục đích phục vụ kinh tế đời sống chung cho gia đình. Thời điểm bà T tham gia chơi hụi với bà N và đến thời điểm hiện tại, ông và bà T vẫn là vợ chồng hợp pháp, cùng sinh sống tại số nhà 350C Phan Đình Phùng, khu phố 6, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên căn cứ theo quy định tại điều 27 của Luật hôn nhân và Gia đình, ông D phải chịu trách nhiệm liên đới với bà T để trả số tiền nợ hụi mà bà T còn nợ bà N là 1.159.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng D chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị N số tiền 1.159.000.000 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền 1.159.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2022, nguyên đơn bà Lê Thị N rút yêu cầu tính lãi và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà N cũng giữ quan điểm rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hụi nêu trên. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[3] Chi phí thu thập chứng cứ là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Hoàng D phải chịu. Số tiền này bà Lê Thị N đã nộp

xong nên bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Hoàng D phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà bà Lê Thị N.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà T và ông D phải chịu theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 46.770.000 (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về “Họ, họ, họ, họ”;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Hoàng D chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà bà Lê Thị N số tiền 1.159.000.000 (Một tỷ một trăm năm mươi chín triệu) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với yêu cầu tính lãi của số tiền 1.159.000.000 (Một tỷ một trăm năm mươi chín triệu) đồng.

3. Chi phí thu thập chứng cứ: 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Hoàng D phải chịu. Số tiền này bà Lê Thị N đã nộp xong nên bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Hoàng D phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà bà Lê Thị N.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Hoàng D chịu trách nhiệm liên đới nộp là 46.770.000 (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Thi